

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện tỉnh Yên Bái

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 225/TTr-SNN ngày 01 tháng 8 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện tỉnh Yên Bái (có danh mục cụ thể kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó CT UBND tỉnh: Nguyễn Chiến Thắng;
- Phó Chánh VPUBND tỉnh (NC);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC.



Nguyễn Chiến Thắng

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN TỈNH YÊN BÁI**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1493/QĐ-UBND ngày 13/8/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)



TT	Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Công nhận làng nghề	Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố lập hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống theo tiêu chí quy định tại Điều 5 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP. - Gửi hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh. - Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng xét duyệt, chọn những đối tượng đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP, ra quyết định và cấp bằng công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống. 	Không quy định	Nghị định số 52/2018/NĐ-CP, ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.
2	Công nhận nghề truyền thống	Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố lập hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống theo tiêu chí quy định tại Điều 5 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP. - Gửi hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh. - Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng xét duyệt, chọn những đối tượng đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP, ra quyết định và cấp bằng công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống. 	Không quy định	Nghị định số 52/2018/NĐ-CP, ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

3	Công nhận làng nghề truyền thống	Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố lập hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống theo tiêu chí quy định tại Điều 5 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP. - Gửi hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh. - Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng xét duyệt, chọn những đối tượng đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP, ra quyết định và cấp bằng công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống. 	Không quy định	Nghị định số 52/2018/NĐ-CP, ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.
---	----------------------------------	--	--	----------------	--